

Bản án số: 19/2024/DS-ST
Ngày: 14/3/2024
V/v “tr/c hợp đồng góp hụi”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY NAM, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Trần T Phong

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Văn Nam.

Bà Mai Thị Nhắc.

- Thư ký phiên toà: Bà Lê Thị Sương - Thư ký Toà án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

Trong ngày 14 tháng 3 năm 2024 tại phòng xét xử của Toà án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 207/2023/TLST-DS ngày 06 tháng 10 năm 2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng góp hụi” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 46A/2023/QĐST-DS ngày 21 tháng 02 năm 2024 và quyết định hoãn phiên toà số: 60B/2024/QĐST-DS ngày 06/3/2024 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Nguyễn Thị C, sinh 1964; Trú tại: Ấp Mỹ Đ, xã Hương M, huyện Mỏ Cày N, tỉnh Bến Tre (người đại diện ông Ngô Nhật T, sinh 1995; Trú tại ấp Hữu L, xã Hữu Đ, huyện Châu Th, tỉnh Tiền Giang có mặt).

*** Bị đơn:** Phan Thị T, sinh 1960; Trú tại Ấp: Mỹ Đ, xã Hương M, huyện Mỏ Cày N, tỉnh Bến Tre (vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và tại phiên toà đại diện nguyên đơn ông Ngô Nhật T trình bày: Trước đây bà T có tham gia chơi các dây hụi do bà C tổ chức cụ thể như sau:

+ Dây thứ nhất khai ngày 06/02/2022 hụi 1.000.000 đồng mỗi phần, dây hụi có 22 phần, bà T chơi 03 phần đã hót hết chưa đóng hụi chết mỗi phần 07 tháng với số tiền 21.000.000 đồng, ngoài ra ở phần hụi thứ 2, bà T khi đóng 01 phần hụi chết ngoài 07 tháng còn lại trên chỉ đóng 694.000 đồng, còn nợ lại 306.000 đồng, nên tổng số tiền bà T còn nợ của dây hụi thứ nhất ngày 06/02/2022 là 21.306.000 đồng.

+ Dây thứ 2 khai ngày 06/02/2022 hụi 1.000.000 đồng mỗi phần, dây hụi có 22 phần, bà T chơi 02 phần đã hót hết chưa đóng hụi chết mỗi phần 07 tháng với số tiền 14.000.000 đồng.

+ Dây thứ 3 khai ngày 10/3/2023 hụi 1.000.000 đồng mỗi phần, dây hụi có 23 phần, bà T chơi 02 phần đã hốt hết ngay tháng đầu tiên chưa đóng hụi sống 650.000 đồng của mỗi phần và hụi chết mỗi phần 21 tháng với số tiền 43.300.000 đồng.

+ Dây thứ 4 khai ngày 20/4/2021 hụi 1.000.000 đồng mỗi phần, dây hụi có 26 phần, bà T chơi 02 phần đã hốt hết còn nợ hụi chết mỗi phần 4 tháng với số tiền 8.000.000 đồng.

+ Dây thứ 5 khai ngày 25/11/2021 hụi 1.000.000 đồng mỗi phần, dây hụi có 26 phần, bà T chơi 02 phần đã hốt hết còn nợ hụi chết mỗi phần 11 tháng với số tiền 22.000.000 đồng.

+ Dây thứ 6 khai ngày 29/11/2021 hụi 2.000.000 đồng mỗi phần, dây hụi có 26 phần, bà T chơi 03 phần đã hốt hết còn nợ hụi chết phần thứ nhất 12 tháng, phần thứ 2, thứ 3 mỗi phần nợ 13 tháng với số tiền 76.000.000 đồng.

Tổng số tiền hụi bà T còn nợ bà C là 184.606.000 đồng.

Nay yêu cầu bà T trả cho bà C số tiền trên. Đối với lãi suất chậm trả không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn bà T vắng mặt trong các giai đoạn tố tụng và cũng không có bất cứ ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày của các đương sự, căn cứ vào kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử nhận thấy:

**** Về thủ tục tố tụng:***

[1] Về quyền khởi kiện: Bà C cho rằng quyền lợi của bà bị xâm phạm bởi hợp đồng góp hụi giữa nguyên đơn với bà T, nên khởi kiện. Căn cứ khoản 2 điều 68, điều 186 Bộ luật Tố tụng dân sự thì nguyên đơn có quyền khởi kiện.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Đối với yêu cầu của nguyên đơn là tranh chấp hợp đồng dân sự về việc góp hụi. Căn cứ khoản 3 điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự thì loại việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án và nơi cư trú của bị đơn thuộc xã Hương Mỹ, huyện Mỏ Cày Nam. Căn cứ điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam thụ lý giải quyết là phù hợp pháp luật.

[4] Bị đơn đã được triệu tập xét xử đến lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn.

**** Về nội dung giải quyết vụ án:***

[1] Giao dịch góp hụi giữa các bên quá trình Tòa án thụ lý giải quyết đã thông báo chỉ bị đơn biết nội dung mà nguyên đơn đã yêu cầu cùng bản sao các tài liệu chứng cứ mà nguyên đơn giao nộp kèm theo hồ sơ khởi kiện; Tòa án đã triệu tập bị đơn rất nhiều lần để tiến hành hoà giải ghi nhận ý kiến của bị đơn đối với yêu cầu của nguyên đơn nhưng bị đơn cố tình né tránh không chấp hành theo giấy triệu tập của Tòa án và phía bị đơn cũng không có bất cứ văn bản nào gửi Tòa án thể hiện ý kiến phản bác đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, nên buộc bị đơn bà T phải có

trách nhiệm trả toàn bộ số tiền 184.606.000 đồng cho bà C là phù hợp. Nguyên đơn không yêu cầu giải quyết lãi suất chậm trả nên không xem xét.

[2] Do bà T vi phạm nghĩa vụ, nên phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng điều 471 Bộ luật dân sự; khoản 2 điều 26 nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị C. Buộc bà Phan Thị T trả cho bà Nguyễn Thị C số tiền 184.606.000 (một trăm tám mươi bốn triệu sáu trăm lẻ sáu ngàn) đồng.

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, khi có đơn yêu cầu thi hành án của bà C, nếu bà T chưa thi hành xong các khoản tiền phải thi hành án thì còn phải chịu tiền lãi theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Án phí dân sự sơ thẩm: Bà T chịu 9.320.000 đồng. Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị C số tiền tạm ứng án phí 4.615.000 đồng theo biên lai thu số 0001185 ngày 05/10/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Nam.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2014.

Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- TAND Bến Tre (1b);
- VKSND huyện Mỏ Cày Nam (2b);
- Chi cục THADS huyện Mỏ Cày Nam(1b);
- Những người tham gia tố tụng (2b);
- Lưu HS, VP, THA (4b).

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký